

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HSST
Ngày 11-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lầy.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Huyền, Thư ký
Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa: Ông Trần
Công Tài, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải
Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2018/TLST-HS ngày
14 tháng 6 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 633/2018/QĐXXST-
HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Tiến D, sinh ngày 30/12/1994. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không.
Nơi sinh: Hải Phòng. Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 17/68 đường N,
phường M, quận N, thành phố Hải Phòng. Dân tộc Kinh. Quốc tịch Việt Nam. Tôn
giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá 11/12. Con ông Trần
Chung T, sinh năm 1968; con bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1972. Gia đình có 02
anh em, bị cáo là con lớn; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo
đầu thú từ ngày 03/4/2018, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư
trú từ ngày 09/4/2018. **(Có mặt).**

- Người bị hại: Anh Lê Thanh T, sinh ngày 09/11/1999,

Trú tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. **(Vắng mặt).**

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Đức A, sinh năm 1987,
Trú tại: Số 11/242 đường H, quận L, Thành phố Hải Phòng. **(Vắng mặt).**

- Người làm chứng:

+ Chị Vũ Thị Thanh H. **(Vắng mặt).**

+ Chị Lê Thị Thu T. **(Vắng mặt).**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/4/2017, Nguyễn Tiến Th lên mạng xã hội FaceBook, Thành đã thỏa thuận để mua của anh Lê Thanh T (sinh ngày 09/11/1999, trú tại thôn C, xã Q H, huyện A, thành phố Hải Phòng) 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S7 với giá 6.000.000 đồng. Khoảng 21 giờ ngày 15/4/2017, Thành và Trần Tiến D đi xe mô tô (không xác định được biển kiểm soát) đến nơi hẹn với anh T ở trước cửa nhà số 57 đường H, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. (Theo sự bàn bạc, thống nhất từ trước giữa Thành và D, khi Thành cầm điện thoại di động đi bộ ra vỉa hè thì D phóng xe mô tô tới, để Thành nhảy lên xe bỏ chạy). Khi Thành vào gặp T, Thành yêu cầu T đưa điện thoại cho Thành xem rồi đi bộ ra vỉa hè, đúng lúc D phóng xe mô tô tới, Thành nhảy lên xe, D lập tức phóng xe bỏ chạy. T hô hoán và điều khiển xe mô tô đuổi theo nhưng không kịp. Thành và D đem chiếc điện thoại di động chiếm đoạt được của anh T bán cho anh Trần Đức A (sinh năm 1987, trú tại số 11/242 đường H, quận L, thành phố Hải Phòng) được 4.000.000 đồng, cùng nhau ăn tiêu hết.

Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 29/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận K kết luận: 01 chiếc điện thoại đã qua sử dụng vỏ màu Gold, nhãn hiệu Samsung Galaxy S7, của anh Lê Thanh T, tại thời điểm ngày 15/4/2017 có giá trị là 4.000.000 đồng.

Ngày 27/5/2017, Nguyễn Tiến Th đến Công an quận K đầu thú. Ngày 06/6/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Tiến Th về tội Cướp giật tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng đã tuyên phạt Nguyễn Tiến Th 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 03/4/2018, Trần Tiến D đến Công an quận K đầu thú. Ngày 08/4/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận K ra quyết định khởi tố bị can đối với Trần Tiến D về tội “Cướp giật tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 14/6/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Trần Tiến D về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Tiến D phạm tội “Cướp giật tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51,

Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt Trần Tiến D từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 36 đến 48 tháng; do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, sống phụ thuộc vào gia đình nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 02/2018/HS-ST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng, người bị hại không yêu cầu gì thêm về phần bồi thường dân sự nên không xem xét giải quyết. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật, bị cáo nhất thời phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có điều kiện học tập và tự rèn luyện bản thân.

Tại phiên tòa người bị hại không có mặt nhưng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận K thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận K thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tiến D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Nguyễn Tiến Thành, của người bị hại, người làm chứng, Biên bản thực nghiệm điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Nguyễn Tiến Th có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của Lê Thanh T từ trước. Thành đã dùng thủ đoạn gian dối như giả vờ hỏi mua chiếc điện thoại Galaxy S7 của T, trao đổi thỏa thuận với T về giá, thời gian, địa điểm xem hàng và giao hàng ... tạo lòng tin đối với chủ tài sản, để chủ tài sản tin rằng Thành muốn mua điện thoại Galaxy S7 thật, để chủ tài sản tự nguyện giao tài sản cho Thành; khi được chủ tài sản

giao tài sản Th đã thực hiện hành vi chiếm đoạt và mang đi tiêu thụ lấy tiền tiêu sài cá nhân hết.

[4] Thành đã bàn bạc và rủ Trần Tiến D tham gia, giúp sức để Th thực hiện việc chiếm đoạt chiếc điện thoại của T. D đã đồng ý và chở Thành đến địa điểm hẹn gặp T để giả vờ mua bán điện thoại như kế hoạch mà Th và D đã bàn bạc thống nhất trước khi đến gặp T. Khi được giao điện thoại để xem, Thành đã giả vờ kiểm tra máy, yêu cầu T khởi động lại máy nhằm xóa hết mật khẩu mà T đã cài đặt trong máy, gọi thử điện thoại, nói chuyện điện thoại, dần dần tách tài sản ra khỏi sự quản lý của chủ tài sản...lợi dụng lòng tin và việc thiếu kiểm soát của T, Th đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại, cùng với sự giúp sức của D, Thành và D sử dụng xe mô tô cùng nhau trốn chạy khỏi sự kiểm soát của T. Việc lên kế hoạch, tổ chức, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản diễn ra trong khoảng thời gian dài (Từ ngày 08/4/2017 đến ngày 15/4/2017). Hành vi bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Tiến Th và Trần Tiến D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do vậy Viện Kiểm sát nhân dân quận K truy tố bị cáo Trần Tiến D về tội “Cướp giật tài sản” theo Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 là chưa chính xác.

[5] Tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”

[6] Chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S7, của anh Lê Thanh T mà Nguyễn Tiến Th và Trần Tiến D chiếm đoạt, được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận K kết luận: Chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 có giá trị là 4.000.000 đồng.

[7] Hành vi của Nguyễn Tiến Th đã bị Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999,

[8] Trần Tiến D đã biết Nguyễn Tiến Th có ý định chiếm đoạt tài sản của Lê Thành T nhưng khi được Thành rủ tham gia D không ngăn cản mà còn đồng ý và tham gia tích cực cùng Th, giúp sức cho Thành thực hiện hành vi chiếm đoạt và là người trực tiếp mang tài sản chiếm đoạt được đi tiêu thụ lấy tiền cùng Th tiêu sài. Vì vậy Trần Tiến D phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[9] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo mang tính nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, một trong những quyền được pháp luật bảo vệ, mặt khác còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân vì vậy pháp luật yêu cầu phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

- Đánh giá vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[10] Bị cáo Trần Tiến D phạm tội khi bị rủ rê, lôi kéo và đã hành động tích cực giúp sức cho Nguyễn Tiến Th thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; D đã sử dụng xe mô tô chở Thành đến nơi có tài sản, khi chiếm đoạt được tài sản D là người chở Th trốn chạy và là người trực tiếp bán tài sản đã chiếm đoạt để lấy tiền cùng Th tiêu sài. Như vậy, bị cáo Trần Tiến D phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với vai trò là người giúp sức, có vai trò thấp hơn bị cáo Th. Việc áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với một mức án nghiêm khắc là tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[11] Bị cáo Trần Tiến D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[12] Bị cáo Trần Tiến D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; sau khi phạm tội đã đầu thú; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong Quân đội. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

[13] Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội với vai trò là đồng phạm, bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; hiện đang được tại ngoại, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo mà có thể khoan hồng áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội là phù hợp với chính sách nhân đạo của Pháp luật Việt Nam. Đây cũng là quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

- Về hình phạt bổ sung:

[14] Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”*, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, sống phụ thuộc gia đình. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[15] Trong vụ án có anh Trần Đức A là người mua chiếc điện thoại do Nguyễn Tiến Th lừa đảo chiếm đoạt của anh Lê Thanh T, nhưng anh Trần Đức A không biết đó là tài sản do Th phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K không xử lý anh Trần Đức A về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ.

- Về vật chứng trong vụ án:

[16] Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S7 của anh Lê Thanh T, D đã bán cho anh Trần Đức A, anh Đức A đã bán lại cho người khác không quen biết nên không thu hồi được.

[17] Đối với chiếc xe mô tô Thành và D sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, Thành và D khai là do Th mượn của người có tên Trường quen biết ngoài xã hội với Th, nhưng không biết cụ thể tên, tuổi, địa chỉ. Sau khi phạm tội Th đã trả xe cho Trường. Cơ quan điều tra không làm rõ được nguồn gốc xe mô tô này.

- Về trách nhiệm dân sự:

[18] Trách nhiệm dân sự đã được giải quyết tại Bản án số 02/2018/HS-ST ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng. Bị cáo D đã tác động gia đình, tự nguyện bồi thường cho bị hại Lê Thanh T số tiền 2.000.000 đồng. Anh Lê Thanh T có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho Trần Tiến D và không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần bồi thường. Do vậy phần dân sự trong vụ án không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí:

[19] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 298, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trần Tiến D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Tiến D 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Tiến D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Công an quận K;
- Thi hành án quận K; Sở tư pháp;
- Chi cục THADS quận K;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương